TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 –TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/DS-ST
Ngày: 27-7-2026

V/v "Tranh chấp tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị The

Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông Bùi Đức Hảo
+ Ông Nguyễn Huỳnh Hải

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng P - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 182/2025/TLST-DS ngày 12/12/2025 về "Tranh chấp tài sản chung và chia thừa kế quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-DS ngày 15/6/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1961. Địa chỉ: A V, khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Trọng H, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp D (nay là ấp V), xã V, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

3. Ông Nguyễn Trọng H1, sinh năm 1991. Địa chỉ: A V, khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1985. Địa chỉ: A V, khu phố B, phường L, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

2. Ông Nguyễn Trọng P1, sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 12 năm 2025 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Phú S (đã chết ngày 28/4/2025) là vợ chồng. Ông, bà có 05 người con gồm: Nguyễn Nhật T sinh năm 1981, Nguyễn Trọng Hữu sinh năm 1982, Nguyễn Thị Nọc D1 sinh năm 1985, Nguyễn Trọng P1 sinh năm 1987 và Nguyễn Trọng Hiếu S1 năm 1991. Trong thời gian sống chung ông bà có tạo lập được tài sản chung là quyền sử dụng đất diện tích 878m^2 tại thửa 39 tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An nay là xã V, tỉnh Tây Ninh được UBND huyện V cấp ngày 07/11/2007. Sau đó, ông bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhiều lần cho nhiều người nên còn diện tích 127m^2. Ngày 10/11/2017 ông bà làm thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất cho con tên Nguyễn Nhật T với diện tích 85m^2 nên hiện nay diện tích còn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 42m^2.

Ông Nguyễn Phú S chết, không để lại di chúc nên bà có họp gia đình để phân chia di sản nhưng các con H, T, H1 không đồng ý.

Bà Nguyễn Thị Thu V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với diện tích 42m^2 tại thửa 39 tờ bản đồ 14, yêu cầu được chia ½ tài sản chung và 01 kỷ phần thừa kế, phần còn lại đồng ý chia đều cho các con mỗi người 01 kỷ phần thừa kế. Bà thống nhất Trích đo bản đồ địa chính số 13-2026 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ thể hiện diện tích đất tranh chấp là 41,2m^2 và Chứng thư thẩm định giá số 258/2026/1079-BĐS ngày 18/5/2026 của Công ty TNHH Đ1 xác định giá đất tranh chấp có giá 13.692.000 đồng/m^2.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thu V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ Trích đo bản đồ địa chính số 13-2026 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực V, bà xác định yêu cầu chia 41,2m^2 có giá 564.110.400 đồng (41,2m^2 x 13.692.000 đồng) và yêu cầu được chia 282.055.200 đồng là tài sản chung của vợ chồng (564.110.400 đồng : 2) và 01 kỷ phần thừa kế là 47.009.200 đồng (282.055.200 đồng : 6). Tổng cộng bà yêu cầu được chia 329.064.400 đồng và yêu cầu được nhận hiện vật là quyền sử dụng đất, phần còn lại đồng ý chia đều cho 05 người con mỗi người 01 kỷ phần thừa kế là 47.009.200 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Trọng H trình bày:

Hộ gia đình của ông gồm có các thành viên: Cha ông là ông Nguyễn Phú S đã chết, mẹ là Nguyễn Thị Thu V và các thành viên trong hộ là Nguyễn Nhật T, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trọng P1 và Nguyễn Trọng

H1. Ngày 30/4/2025 cha ông mất do bệnh và có để lại thửa đất số 39 tờ bản đồ số 14 diện tích 42m^2 để làm đất hương quả thờ cúng nhưng ông có nghe thông tin có thành viên trong hộ gia đình có ý định sang tên và bán phân chia tài sản này để làm mục đích riêng mà không sử dụng thửa đất cuối cùng còn lại mà cha ông mất để làm nhà thờ cúng và hương quả. Ông không đồng ý bán và yêu cầu để lại thửa đất này làm nơi thờ cúng theo di nguyện của cha ông.

- Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Nguyễn Nhật T và ông Nguyễn Trọng H1 không thể hiện ý kiến.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc D trình bày: Bà thống nhất với tất cả lời trình bày và yêu cầu của mẹ là bà Nguyễn Thị Thu V. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án.

+ Ông Nguyễn Trọng P1 trình bày: Ông là con ruột của bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Phú S (đã chết ngày 28/4/2025), ông có 05 anh chị em ruột gồm: Nguyễn Nhật T, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng H1, Nguyễn Trọng P1 và Nguyễn Thị Ngọc D. Khi cha ông chết có để lại diện tích đất thổ cư 42m^2 tại thửa 39 tờ bản đồ số 14, không để lại di chúc. Nay mẹ ông là bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông yêu cầu được chia một kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Ông thống nhất Trích đo bản đồ địa chính số 13-2026 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực V và thống nhất Chứng thư thẩm định giá số 258/2026/1079-BĐS ngày 18/5/2026 của Công ty TNHH Đ1.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Tất cả đều chấp hành theo quy định, riêng bị đơn ông Nguyễn Nhật T, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Trọng H1 chưa tuân thủ theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế:

Căn cứ các chứng cứ đã được thu thập và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, bà V trình bày nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng bà tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/11/2007 do ông Nguyễn Phú S đứng tên. Hiện tại thửa đất có diện tích 42m^2 (ranh thực tế 41,2 m²). Tại Trích lục kết hôn số 516 ngày 07/11/2024 và các giấy khai sinh đối với Nguyễn Nhật T (1981), Nguyễn Trọng H (1982), Nguyễn Thị Ngọc D (1985), Nguyễn Trọng P1 (1987), Nguyễn Trọng H1 (1991) thì khẳng định ông Nguyễn Phú S và bà Nguyễn Thị Thu V là vợ chồng và thửa đất số 39, tờ bản đồ số 14 với diện tích (thực tế 41,2m²) là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Ông Nguyễn Phú S đã chết ngày 28/4/2025 không để lại

di chúc. Do đó, phần tài sản của ông S để lại sẽ được chia thừa kế theo pháp luật cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: (vợ) Nguyễn Thị Thu V cùng các con Nguyễn Nhật T, Nguyễn Trọng H, Nguyễn Thị Ngọc D, Nguyễn Trọng P1 và Nguyễn Trọng H1 mỗi người một kỷ phần bằng nhau. Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Trọng P1:

Ông P1 yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sử dụng đất thửa 39, tờ bản đồ số 14 là di sản thừa kế do ông Nguyễn Phú S để lại và xin được hưởng 1 kỷ phần. Theo các chứng cứ đã được thu thập xác định ông Nguyễn Trọng P1, sinh năm 1987 là con ruột của ông Nguyễn Phú S và bà Nguyễn Thị Thu V. Do đó, đề nghị của ông Nguyễn Trọng P1 là có cơ sở chấp nhận.

Đối với những người con còn lại của ông Nguyễn Phú S và bà Nguyễn Thị Thu V gồm Nguyễn Nhật T, Nguyễn Trọng H1: đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có văn bản thể hiện ý kiến, nên không xem xét; Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc D có ý kiến đồng ý quan điểm với nguyên đơn, nhưng không làm đơn yêu cầu độc lập và không nộp tạm ứng án phí, nên không xem xét; Đối với ông Nguyễn Trọng H yêu cầu Tòa án xác định di sản làm nơi thờ cúng, hương hỏa nhưng gia đình đã không thỏa thuận được, mặt khác bà V và ông P1 đã yêu cầu chia di sản thừa kế nên không xem xét. Trường hợp, các ông, bà Nguyễn Nhật T, Nguyễn Trọng H1, Nguyễn Thị Ngọc D và Nguyễn Trọng H có yêu cầu thì giải quyết bằng vụ án khác.

Từ phân tích trên căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 610, 611, 612, 613, 616, 617, 618, 623, 649, 650, 651 Bộ luật Dân sự, các Điều 26, 27, 31 Luật Đất đai đề nghị: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc xác định và phân chia phần di sản được ông Nguyễn Phú S để lại không có di chúc là thửa đất số 39 tờ bản đồ số 14 diện tích 41.2m² tọa lạc tại xã V, tỉnh Tây Ninh theo quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trọng P1 về việc yêu cầu được hưởng 1 kỷ phần di sản thừa kế theo pháp luật do ông Nguyễn Phú S để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp tài sản chung, chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất, ông Nguyễn Trọng H, ông Nguyễn Trọng H1 có hộ khẩu thường trú và diện tích đất tranh chấp tọa lạc tại Ấp D (nay là ấp V), xã V, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Tây Ninh theo quy định tại khoản 2, 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Nhật T, ông Nguyễn Trọng H, ông Nguyễn Trọng H1 được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông

Nguyễn Trọng P1 có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[3] Về phạm vi khởi kiện: Trong đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Thu V yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế đối với diện tích 42 m² tại thửa 39 nhưng căn cứ Trích đo bản đồ địa chính số 13-2026 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực V, bà V thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia tài sản chung và di sản thừa kế đối với diện tích 41,2 m² tại thửa 39. Nên yêu cầu khởi kiện của bà V trong phạm vi khởi kiện nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Do trong vụ án này chỉ có bà V khởi kiện và ông Nguyễn Trọng P1 có yêu cầu độc lập nên Tòa án chỉ xem xét, giải quyết đối với yêu cầu của bà V và ông P1.

[4] Về nội dung khởi kiện:

[4.1] Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thửa đất số 39 tờ bản đồ 14 được UBND huyện V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/5/2010 cho hộ ông Nguyễn Phú S với diện tích 127m^2, đến ngày 11/4/2014 được điều chỉnh từ hộ ông Nguyễn Phú S thành ông Nguyễn Phú S. Ngày 10/11/2017 ông S cùng vợ là bà Nguyễn Thị Thu V tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Nhật T diện tích 85m^2 nên diện tích còn lại trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 42m^2.

[4.2] Căn cứ lời khai thống nhất của các đương sự và tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án có căn cứ xác định ông Nguyễn Phú S và bà Nguyễn Thị Thu V là vợ chồng, ông S chết ngày 28/4/2025 có trích lục khai tử của U, thành phố T, tỉnh Long An. Hàng thừa kế thứ nhất của ông S gồm vợ là V và 05 người con gồm Nguyễn Nhật T sinh năm 1981, Nguyễn Trọng Hữu sinh năm 1982, Nguyễn Thị Ngọc D sinh năm 1985, Nguyễn Trọng P1 sinh năm 1987 và Nguyễn Trọng Hiếu S1 năm 1991.

[4.3] Diện tích tại thửa 39 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Nguyễn Phú S và bà Nguyễn Thị Thu V nên có căn cứ khẳng thửa đất số 39 là khối tài sản chung của ông S và bà V. Theo đó, bà V có quyền sử dụng ½, ông S có quyền sử dụng ½. Do ông S chết không để lại di chúc và tại thời điểm hiện nay chưa ai tranh chấp buộc ông S thực hiện nghĩa vụ nên di sản thừa kế của ông S để lại được chia theo pháp luật.

[4.4] Diện tích đất thể hiện tại vị trí A của Trích đo bản đồ địa chính số 13-2026 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực V và giá trị quyền sử dụng đất được thể hiện tại Chứng thư thẩm định giá số 258/2026/1079-BĐS ngày 18/5/2026 của Công ty TNHH Đ1 nên Tòa án dùng làm căn cứ giải quyết.

[4.5] Căn cứ Trích đo bản đồ địa chính số 13-2026 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng Đ và yêu cầu của bà V nên Tòa án chỉ xem xét, giải quyết diện tích đất tại thửa 39 với diện tích 41,2m^2 có giá trị 564.110.400 đồng (41,2m^2 x 13.692.000 đồng). Nên phần tài sản chung của bà V với ông S có giá trị 564.110.400 đồng và bà V, ông S mỗi người được chia 282.055.200 đồng

(564.110.400 đồng : 2). Di sản của ông S để lại có giá trị là 282.055.200 đồng nên được chia thừa kế theo quy định của pháp luật thành 06 phần thừa kế bằng nhau cho bà V, ông T, ông H, bà D, ông P1 và ông H1 mỗi người 01 phần có giá trị 47.009.200 đồng (282.055.200 đồng : 6).

[4.6] Nên bà V được chia tài sản chung và di sản thừa kế trị giá 329.064.400 đồng (282.055.200 đồng + 47.009.200 đồng). Diện tích 41,2m^2 không thể chia hiện vật cho các đồng thừa kế do không thể tách thửa. Bà V yêu được nhận quyền sử dụng đất là phù hợp vì phần bà V được chia nhiều hơn và chia giá trị bằng tiền cho những người thừa kế còn lại, mỗi người được chia một kỷ phần thừa kế với số tiền 47.009.200 đồng. Nên yêu cầu của ông P1 yêu cầu được chia 01 kỷ phần thừa kế được chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trọng H yêu cầu để lại thửa đất thờ cúng. Thấy rằng, thửa đất số 39 là tài sản chung của ông S và bà V, bà V và những người thuộc hàng thừa kế còn lại của ông S không ai có ý kiến đồng ý dùng vào việc thờ cúng nên yêu cầu này của ông H không được chấp nhận.

[6] Ông T, ông H, bà D, ông H1 không thể hiện ý kiến yêu cầu được chia di sản thừa kế nên không xem xét giải quyết. Do bà V được chia nhiều hơn và được nhận hiện vật nên tạm giao cho bà V quản lý phần giá trị phần thừa kế của ông T, ông H, bà D và ông H1 được hưởng, khi có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

[7] Từ những lập luận trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Trọng P1, lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[8] Đối với diện tích 3m^2 tại vị trí B theo Trích đo bản đồ địa chính số 13-2026 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực V, không tranh chấp nên Tòa án không xem xét.

[9] Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 9.167.000 đồng tính trên giá trị tài sản được chia, ông Nguyễn Trọng P1 phải chịu 833.000 đồng trên giá trị tài sản được chia. Bà Nguyễn Thị Thu V đã tạm ứng nên ông Nguyễn Trọng P1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 833.000 đồng.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu V có đơn xin miễn tiền án phí do thuộc trường hợp người cao tuổi nên bà V được miễn tiền án phí. Ông Nguyễn Trọng P1 phải chịu án phí trên giá trị được chia theo quy định (47.009.200 đồng x 5% = 2.350.000 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, 5 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, 147, 157, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 213, 219, 357, 468, 611, 612, 613, 623, 645, 649, 650, 651, 660 Bộ luật Dân sự; Căn cứ Điều 33 Luật Hôn nhân và

gia đình; Căn cứ Điều 26, 27, 31 Luật Đất đai; Căn cứ Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu V về việc tranh chấp tài sản chung và chia di sản thừa kế đối với ông Nguyễn Nhật T, ông Nguyễn Trọng H và ông Nguyễn Trọng H1.

Xác định bà Nguyễn Thị Thu V và ông Nguyễn Phú S có quyền sử dụng chung đối với diện tích 41,2m^2 đất thổ tại thửa 39, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị Thu V được chia tài sản chung với ông Nguyễn Phú S là diện tích 20,6m^2 đất thổ tại thửa 39, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh; Giá trị được chia 282.055.200 đồng.

Xác định di sản thừa kế do ông Nguyễn Phú S để lại là diện tích 20,6m^2 đất thổ tại thửa 39, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh; Giá trị di sản là 282.055.200 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu V được chia 01 phần di sản thừa kế có giá trị 47.009.200 đồng.

Giao cho bà Nguyễn Thị Thu V được quyền sử dụng diện tích 41,2m^2 đất thổ tại thửa 39, tờ bản đồ số 14 tọa lạc tại ấp V, xã V, tỉnh Tây Ninh. (Vị trí đất: Tại vị trí A theo Trích đo bản đồ địa chính số 13 ngày 11/5/2026 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực V).

Bà Nguyễn Thị Thu V có trách nhiệm liên hệ cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký, điều chỉnh và/hoặc xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 41,2m^2 nêu trên.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Trọng P1 về việc yêu cầu chia di sản thừa kế.

Ông Nguyễn Trọng P1 được chia 01 phần di sản thừa kế với số tiền 47.009.200 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị Thu V có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Trọng P1 số tiền 47.009.200 đồng.

3. Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Thu V quản lý số tiền 188.036.800 đồng là giá trị di sản của ông Nguyễn Phú S để lại chưa chia.

4. Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu V phải chịu 9.167.000 đồng, ông Nguyễn Trọng P1 phải chịu 833.000 đồng. Ông Nguyễn Trọng P1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu V số tiền 833.000 đồng.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí:

6.1. Miễn tiền án phí cho bà Nguyễn Thị Thu V.

6.2. Ông Nguyễn Trọng P1 phải chịu 2.350.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước. Chuyển 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh theo biên lai số 0013450 ngày 12/6/2026 sang tiền án phí. Nên ông Nguyễn Trọng P1 còn phải nộp 1.100.000 đồng tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Báo cho đương sự có mặt được biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnhTây Ninh;
- VKSND khu vực 9-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị The